

VĂN HOÁ CÁC HỘ KINH DOANH NHỎ: MỘT TIỀM NĂNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG (NGHIÊN CỨU THÍ ĐIỂM Ở VIỆT NAM)

TIIARIITTA GRANFELT
ANDERS HJORT-AF-ORNAS*
ĐẶNG MINH NGỌC**

Nghiên cứu này quan tâm tới vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong quá trình phát triển tiến tới sự bền vững ở Việt Nam. Nghiên cứu tập trung vào hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ, nhất là những doanh nghiệp mới thành lập ở vùng dân tộc thiểu số.

Câu hỏi được đặt ra là, tại sao các hộ kinh doanh ở đây lại phát huy được vai trò tích cực của mình trong sự phát triển của vùng và cộng đồng hơn những nơi khác? Tại sao doanh nghiệp phát triển ở mức độ khác nhau trong những môi trường có điều kiện tương tự? Đó là điểm khởi đầu cho chúng tôi tiến hành nghiên cứu này ở Việt Nam và những nghiên cứu khác đã và đang tiến hành tại Thụy Điển (Grantfelt và Hjort, 1999- 2002), được đặt trên giả thiết rằng doanh nghiệp trong một môi trường phải đối mặt với bối cảnh văn hoá- xã hội cụ thể ở địa phương và như là những thiết chế để phát triển.

Bài báo này đề cập tới một nghiên cứu thí điểm được thực hiện từ tháng 3 – 5 năm 2002 tại xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La nhằm xác định những vấn đề chính đối với hoạt động tạo thu nhập ở nông thôn trong bối cảnh hiện nay. Xã Ít Ong nằm trong kế hoạch tái định cư của vùng thủy điện Sơn La. Mục đích của nghiên cứu là phân tích những vấn đề có thể cải thiện hoạt động của các hộ kinh doanh nhỏ, như là một biện pháp nhằm

nâng cao chất lượng cuộc sống tại những nơi tái định cư. Sự tác động qua lại giữa khu vực kinh tế tư nhân, tập thể và cộng đồng quản lý tại địa phương là một thực tế để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này. Những chính sách được áp dụng ở khu vực và của quốc gia đã tạo nên bối cảnh cho các biện pháp nhằm giải quyết khó khăn tại địa phương, và cũng để hình thành nên sự khác biệt của kinh tế hộ gia đình. Câu hỏi ở đây là: ai là người đưa ra những biện pháp giải quyết khó khăn để đưa kinh tế tư nhân trở thành một trong những thành phần kinh tế chủ đạo? Các cấu trúc quyền lực mang tính xã hội được thiết lập như thế nào trong khuôn khổ mà doanh nghiệp tư nhân hoạt động?

Nghiên cứu mong muốn đưa ra kinh nghiệm về lập các kế hoạch phát triển bền vững ở vùng tái định cư của Dự án thủy điện Sơn La, quan tâm tới các hoạt động tạo thu nhập thêm theo kế hoạch và tự phát, như là một kết quả của quá trình Đổi Mới.

Ở đây, các doanh nghiệp nhỏ được coi như là một hoạt động kinh tế- xã hội liên quan tới khung các cơ hội có sẵn trong bối cảnh môi trường tự nhiên và văn hoá- xã hội của doanh nghiệp. Làm nông nghiệp với qui mô nhỏ là cơ sở kiếm sống chính của người dân địa phương; ngoài ra ở một số hộ còn được bổ sung bằng việc buôn bán các sản phẩm nông nghiệp và hàng hoá.

1. Sự hình thành doanh nghiệp ở Việt Nam

Chính sách Đổi Mới được áp dụng ở Việt Nam từ năm 1986 đã mở ra thời kỳ mới cho các doanh nghiệp tư nhân. Những biện pháp giải quyết khó khăn về mặt luật pháp kèm theo là sự can thiệp, như Luật Công ty năm 1990, Hiến pháp 1992 có ban hành các điều khoản cho hoạt động của công ty tư nhân đã làm cho lĩnh vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam phát triển mạnh. Hiện nay khu vực kinh tế tư nhân đã thu hút 90% lực lượng lao động, nhưng khu vực kinh tế Nhà nước lại chiếm gần 1/2 GDP (Kokko 2000: 6-7). Chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp nhỏ đối với sự phát triển kinh tế quốc gia trong tạo việc làm và giảm nghèo. Ngoài ra chiến lược này còn quan tâm đến các biện pháp tài chính và luật pháp khác nhau mà Chính phủ có thể áp dụng để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ (CPRGS 2002:50 ff)⁽¹⁾

Với 75% dân số sống ở nông thôn cho thấy phần lớn khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam là nông nghiệp (Kokko 2000: 6-7). Ước tính các hộ làm nông nghiệp lên tới 10 triệu (Ibid.13). Hơn 90% dân số được xếp vào thành phần nghèo⁽²⁾

⁽¹⁾ Ví dụ, nhu cầu thực hiện nhanh Nghị định số 90/2001/ND-CP của Chính phủ về phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ được nhấn mạnh một cách chi tiết.

⁽²⁾ Theo mức điều tra về nghèo vào năm 1997 về các mức thu nhập khác nhau ở những khu vực/vùng khác nhau: Ở vùng nông thôn miền núi, những hộ gia đình có thu nhập dưới 55.000 đồng/người/tháng, khu vực trung du và nông thôn đồng bằng - dưới 70.000 đồng/người/tháng, và khu vực thành thị - dưới 90.000 đồng/người/tháng là hộ nghèo.

sống ở nông thôn và hơn 80% số đó là nông dân (CPRGS 2002: 17 ff). Đây là vấn đề thiết yếu để từ đó có các kế hoạch phát triển góp phần cải thiện tiềm năng ở khu vực nông nghiệp. Những biện pháp mới để giải quyết khó khăn đã được áp dụng, chính điều này đã góp phần chống lại đói nghèo ở Việt Nam. Những biện pháp giải quyết khó khăn này bao gồm cả canh tác cây công nghiệp như cà phê, chè, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp..., và ngoài ra còn thực hiện cả những ngành nghề chưa khai thác hết như đánh cá, nuôi trồng thủy sản... Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới, khu vực kinh tế tư nhân được xem là chiếc chìa khoá để dẫn tới thành công trong việc cải thiện nền nông nghiệp. Các hộ kinh doanh nhỏ có một tiềm năng lớn để tạo ra thu nhập thay thế nông nghiệp ở khu vực nông thôn (Ibid, Chương 2).

Khu vực kinh doanh hộ gia đình ở Việt Nam đã phát triển nhanh vào cuối thập kỷ qua. Ngoài nông nghiệp, một loạt các hộ kinh doanh phi nông nghiệp đã phát triển tới 2,2 triệu hộ trong năm 1996 và người ta dự tính con số này còn tiếp tục tăng (Hemlin et al; 1998: 14-15). Các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ ở nông thôn và các hộ kinh doanh nhỏ đã thuê khoảng 3,5 triệu công nhân (UNIDO/MARD 1999: 9). Cùng thời gian này có khoảng 10 triệu người thất nghiệp. Theo một báo cáo của UNIDO/ MARD (1999) các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và các hộ kinh doanh gia đình ở nông thôn là nguồn tiềm năng thu hút lao động lớn nhất trong thời gian ngắn cũng như lâu dài.

Các hộ kinh doanh nằm trên ranh giới giữa khu vực kinh tế chính thức và không chính thức. Chủ các hộ kinh doanh này cũng cần có một giấy phép kinh doanh nhưng tỷ lệ góp vốn và trả thuế lại thấp. Các hộ kinh doanh gia đình không hoạt động theo luật doanh nghiệp hay luật công ty và cũng không đăng ký như doanh nghiệp lớn (Kokko, Ibid 13- 15). Khả năng phát triển của loại hộ kinh doanh này hạn chế, vì nếu phát triển mạnh chắc chắn phải có bốn phần đăng ký như doanh nghiệp chính thức. Phần lớn các hộ kinh doanh gia đình nằm ngoài khu vực nông nghiệp, chủ yếu làm dịch vụ và bán hàng. Các thành viên trong hộ kinh doanh này cùng tham gia vào việc mua và bán trên thị trường. Sau khi đã tích lũy đủ tiền, họ phát triển công việc kinh doanh của mình tới mức như là một hộ kinh doanh nhỏ. Có nhiều hộ kinh doanh nhỏ quyết định không phát triển kinh doanh của mình lớn hơn nữa để tránh phải đăng ký chính thức và kèm theo nó là nghĩa vụ và hệ thống hành chính khác.

Có 3 loại doanh nghiệp được công nhận trong khu vực kinh doanh tư nhân chính thức là: doanh nghiệp tư nhân hay cá nhân có một chủ và người này chịu trách nhiệm hoàn toàn về doanh nghiệp của mình; công ty trách nhiệm hữu hạn có ít nhất hai chủ và chịu trách nhiệm hữu hạn trong số vốn họ đầu tư vào công ty; thị trường chứng khoán hay công ty cổ phần có ít nhất 7 cổ đông - những người góp cổ phiếu vào công ty và có quyền mua và bán cổ phiếu (Ibid. 15-16). Một kiểu doanh nghiệp nhỏ điển hình ở nông thôn Việt Nam là do các thành viên trong hộ gia đình quản lý, tạo thành đơn vị xã hội nhỏ nhất ở địa phương. Vì thế tiềm năng phát

triển ở nông thôn có thể tìm thấy trong hộ kinh doanh và trong bối cảnh văn hoá-xã hội.

2. Xã Ít Ong và các doanh nghiệp nhỏ

Nghiên cứu thí điểm này không chỉ quan tâm tới các doanh nghiệp của người Kinh mà còn quan tâm tới doanh nghiệp của người dân tộc thiểu số. Mục đích là thực hiện nghiên cứu thí điểm so sánh về các hoạt động kinh doanh nhỏ của người Kinh và người dân tộc thiểu số ở một xã vùng nông thôn. Mục tiêu xa hơn của nghiên cứu là tìm ra những điều kiện cụ thể và những cản trở mà các thành viên trong hộ gia đình người dân tộc thiểu số là chủ các doanh nghiệp nhỏ gặp phải.

Xã Ít Ong – điểm được thực hiện nghiên cứu nằm ở trung tâm huyện Mường La, bên bờ sông Đà, ở độ cao từ 500-1.000 m so với mặt biển, cách thị xã Sơn La 40 km. Xã có 1.456 hộ gia đình, 7.719 người, gồm 4 dân tộc: Thái (90%), Hmông (5%), Kinh (3%), La Ha (2%). Tổng diện tích của xã là 4.739 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 925 ha (có 791 ha nương rẫy và 75 ha ruộng nước), diện tích rừng - 1.250 ha và đất chưa sử dụng - 2.449 ha.

Hoạt động kinh tế của xã Ít Ong chủ yếu là canh tác nông nghiệp, với năng suất lúa nước trung bình là 6,4 tấn/ ha (2 vụ); năng suất lúa nương: 1,2 tấn/ ha, ngô - 3,2 tấn/ ha, sắn - 20 tấn/ ha và đậu - 1,5 tấn/ ha. Nhìn chung trong ba dân tộc thiểu số, người Thái thừa lương thực, người La Ha có đủ lương thực, còn người Hmông thì thiếu lương thực. Thu nhập của xã Ít Ong vào khoảng 120 USD/người/năm - đây là mức trung bình ở tỉnh Sơn

La. Tỷ lệ số hộ đói nghèo ở xã vào khoảng 30%, với 189 hộ gia đình, trong đó 46 hộ thiếu lương thực từ 3-6 tháng trong năm và có khoảng 70% người Hmông sống ở khu vực núi cao là những người nghèo.

Trong xã Ít Ong có 56 doanh nghiệp nhỏ. Đó là những cửa hàng bán lương thực, dược phẩm, sản phẩm thủ công, vật liệu xây dựng, xe máy, xe đạp, tivi, đài. Cũng có một số hộ làm dịch vụ như mở cửa hàng ăn, cửa hàng may mặc, làm đầu và xay xát. Ở đây còn có 2 lò rèn và 5 hộ làm nghề đánh bắt cá. Có 25 nông dân làm thợ xây và 12 người làm nghề xe ôm.

Có nhiều hộ gia đình được hưởng lợi từ sự phát triển kinh doanh và họ có thể bán sản phẩm nông nghiệp của mình với giá phù hợp. Một số sản phẩm nông nghiệp như rơm trước đây không bán được, nay lại được bán để sản xuất nấm. Sự phát triển kinh doanh đã góp phần làm tăng việc thu lượm các sản phẩm của rừng và sản xuất mật ong.

Trong 17 hộ và 3 cửa hàng (doanh nghiệp) kinh doanh nhỏ được tiến hành điều tra ở nghiên cứu này, có 50% số chủ thuộc dân tộc Kinh, còn lại là người Thái. Một số chủ hộ kinh doanh nhỏ là cán bộ thuộc Phòng Thương nghiệp của huyện đã nghỉ hưu. Khi làm việc tại các cơ quan của huyện trước đây, họ mang hàng hoá của Phòng Thương nghiệp xuống các bản của người dân tộc thiểu số để đổi lấy sản phẩm nông nghiệp. Sau khi về hưu, họ tiếp tục công việc đó nhưng chỉ làm cho hộ kinh doanh nhỏ của mình. Như vậy, các doanh nhân đã có lợi vì họ có mối quan hệ với khách hàng từ thời gian làm cho thương nghiệp của huyện.

3. Tính tộc người và tính xã hội của hộ kinh doanh nhỏ

Hai loại hộ được điều tra có điểm khác biệt: hộ kinh doanh nhỏ là do gia đình làm chủ, gồm chủ hộ (vợ hoặc chồng) và các con tham gia vào kinh doanh; còn doanh nghiệp nhỏ thì không có các thành viên của gia đình nhưng lại thuê người ở bên ngoài. Tỷ lệ thuê nhân viên của các hộ kinh doanh nhỏ rất ít. Qua Bảng 1 có thể thấy sự khác biệt này: có rất ít các hộ kinh doanh nhỏ thuê người làm nhưng tất cả các doanh nghiệp nhỏ đều thuê nhân công – những người không phải thành viên gia đình họ. Điểm đáng lưu ý là cả 3 chủ hộ kinh doanh đều là nữ.

Bảng 1. Sự tham gia của thành viên gia đình trong kinh doanh

Quan hệ với chủ hộ	Hộ kinh doanh nhỏ (n=17)	Doanh nghiệp nhỏ (n=3)
Vợ	14	0
Chồng	3	0
Con	50	0
Người khác	7	20
Tổng số	74	20

Trong các hộ kinh doanh nhỏ, điều hành công việc chính là người chồng. Số liệu về hôn nhân và gia đình cho thấy: có 2/3 nam giới trong những gia đình này đã kết hôn và 1/3 phụ nữ chưa kết hôn. Ở các doanh nghiệp nhỏ, tất cả thành viên đều đã kết hôn. Nhìn vào sự phân bố tuổi có thể thấy: số nữ ở độ tuổi thanh, thiếu niên có khuynh hướng nhiều hơn (xem Bảng 2).

Bảng 2. Cấu trúc tuổi và giới tính trong các hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ

Tuổi	Hộ kinh doanh nhỏ		Doanh nghiệp nhỏ	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
0-4	1	0	0	0
5-9	3	1	0	0
10-14	9	8	0	0
15-19	4	12	0	0
20-24	5	1	3	0
25-29	4	7	2	0
30-34	2	3	0	0
35-39	4	4	5	3
40-44	6	6	0	5
45-49	5	2	0	1
50-54	0	0	2	2
55-59	0	0	0	0
60	2	2	0	0
Tổng số (người)	45	46	12	11

Bảng 4. Quan điểm về vai trò của thành phần dân tộc trong các hộ kinh doanh nhỏ và doanh nghiệp nhỏ

Vai trò của thành phần dân tộc	Hộ kinh doanh nhỏ (hộ)	Doanh nghiệp nhỏ (hộ)
Mang lại thuận lợi trong kinh doanh	7	0
Tìm được khách hàng là người dân tộc thiểu số	6	3
Hiểu được tình hình dân tộc	7	3
Hiểu được ngôn ngữ của người dân tộc thiểu số	7	0
Mang lại bất lợi cho kinh doanh	1	0
Thành phần dân tộc không có ảnh hưởng gì	9	0

4. Học vấn và sự tham gia vào kinh doanh trong các doanh nghiệp nhỏ

Học vấn cũng có nhiều ảnh hưởng trong kinh doanh. Qua bảng 5a cho thấy, các

Các doanh nghiệp nhỏ ở xã Ít Ong chủ yếu là của người Kinh và người Thái. Bảng 3 cho thấy: hai tộc người này có tỷ lệ tương đối ngang nhau ở hộ kinh doanh nhỏ (người Thái chiếm 52%); còn trong các doanh nghiệp nhỏ, người Kinh chiếm tới 61%. Điều đáng chú ý là những người tham gia vào doanh nghiệp nhỏ đều không theo tôn giáo nào.

Bảng 3. Thành phần dân tộc

Hộ kinh doanh nhỏ			Doanh nghiệp nhỏ		
Kinh	Thái	Tổng số	Kinh	Thái	Tổng số
44	47	91	14	9	23

Đối với các hộ kinh doanh nhỏ, thành phần dân tộc có ảnh hưởng tới lợi ích kinh doanh, bởi họ có thể hiểu tâm lý và nhu cầu khách hàng là người đồng tộc. Những hộ là doanh nghiệp nhỏ cũng cho rằng yếu tố dân tộc mang lại lợi nhuận cho kinh doanh (xem Bảng 4).

thành viên trên 15 tuổi của các hộ kinh doanh nhỏ có 30% có trình độ tiểu học, 43% có trình độ trung học cơ sở và 23% có trình độ trung học phổ thông. Chỉ có 3 trong số 90 người ở trong những hộ kinh

doanh này là mù chữ. Trong các doanh nghiệp thì tình hình tốt hơn: 31% có trình độ trung học phổ thông, 43% có trình độ trung học cơ sở và 26% có trình độ tiểu học và không một ai mù chữ.

Bảng 5a. Trình độ học vấn của các thành viên (15 tuổi trở lên)

	%	
	Hộ kinh doanh nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ
Tiểu học	30	26
Trung học cơ sở	44	43
Trung học PT	23	31
Mù chữ	3	0

Qua điều tra cho thấy, trong hộ kinh doanh nhỏ có 58/69 người trên 15 tuổi (84%) chưa được đào tạo về chuyên môn. Còn với doanh nghiệp nhỏ, trong số 23 người, chỉ có 1 người không có trình độ chuyên môn, còn 4 người có trình độ đại học, 13 người có trình độ trung cấp và 5 người có trình độ sơ cấp. Trong các hộ kinh doanh nhỏ, có 3 người có trình độ đại học, 1 người có trình độ cao đẳng, 4 người có trình độ trung cấp và 3 người có trình độ sơ cấp. Trình độ học vấn trong các hộ kinh doanh nhỏ và doanh nghiệp nhỏ cho thấy sự khác biệt giữa hai hình thức kinh doanh này (xem Bảng 5b).

Bảng 5b. Trình độ chuyên môn của các thành viên (15 tuổi trở lên)

Trình độ	Hộ kinh doanh nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ
Sơ cấp	4	22
Trung cấp	6	57
Cao đẳng	2	0
Đại học	4	17
Chưa được đào tạo	84	4

Qua khảo sát cho thấy, chủ và người làm thuê ở các doanh nghiệp nhỏ được đào tạo với trình độ khá cao. Còn các hộ kinh doanh nhỏ, nhiều thành viên ở độ tuổi 15-25 đều đi học. Điều đó có nghĩa, các hộ này đang được củng cố về học vấn trong thời điểm hiện nay (Bảng 6).

Bảng 6. Công việc của người tham gia kinh doanh (15 tuổi trở lên)

	Hộ kinh doanh nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ
Đi học	31	0
Làm nông nghiệp	10	0
Kinh doanh	20	23
Dịch vụ	6	0
Cán bộ huyện	1	0
Nghề khác	1	0
Tổng số	69	23

Mặc dù còn có vấn đề về mối quan hệ giữa trình độ học vấn và năng lực kinh doanh, nhưng bức tranh về trình độ học vấn đang được cải thiện cũng là một cách đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ.

5. Vấn đề di cư và thời gian kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ

Vấn đề di cư cũng có mối quan hệ với kinh doanh. Qua điều tra 17 hộ kinh doanh nhỏ cho thấy, có 11 hộ vốn ở nơi khác trong cùng huyện di cư đến đây khoảng trên 10 năm, 6 hộ còn lại là người ở trong xã. Trong số những hộ di cư, có 7 hộ cách nơi ở cũ từ dưới 1-100 km; 4 hộ còn lại cách trên 200 km (xem Bảng 7).

Bảng 7. Khoảng cách từ nơi ở mới tới nơi ở cũ

Khoảng cách	Số hộ
< 1 km	6
50-100 km	1
> 200 km	4
Tổng số	11

Trả lời câu hỏi về thời gian di cư cho thấy, có 1/2 số chủ hộ di cư trước thời điểm diễn ra công cuộc Đổi Mới (1986). Nghiên cứu còn cho thấy, các doanh nghiệp nhỏ ở địa phương phát triển một phần nhờ vào kinh nghiệm buôn bán trước đây mà họ có được. Có 55% số hộ kinh doanh nhỏ được thành lập trong khoảng thời gian 1991 - 1996; còn tất cả các doanh nghiệp nhỏ đều được thành lập từ trước năm 1986. Ngày nay các doanh nghiệp bắt đầu công việc kinh doanh dường như nhanh chóng hơn, trong khi trước đây để thành lập được các doanh nghiệp nhỏ, người ta phải chuẩn bị cơ sở lâu hơn.

6. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ

Các nguồn thu nhập của các doanh nghiệp nhỏ trước khi thành lập cho thấy, phần lớn họ có vốn từ khi làm cho các cơ quan nhà nước, 1/3 số hộ có vốn từ làm nông nghiệp và số còn lại có vốn từ làm các nghề khác. Bảng 8 chỉ ra nguồn vốn đã được huy động và các mối quan hệ xã hội được sử dụng như thế nào để gây vốn. Kết quả cho thấy, để huy động vốn, mối quan hệ họ hàng không có vai trò đáng kể, trong khi quan hệ bạn bè lại quan trọng hơn.

Bảng 8. Huy động vốn của các hộ kinh doanh nhỏ

Loại vốn	Triệu đồng
Tự có	773
Vay của họ hàng	5
Vay từ bạn bè	278
Vay từ ngân hàng	89
Tổng số	1.145

Mức đầu tư của một hộ kinh doanh nhỏ trung bình vào khoảng 40 triệu đồng. Tỷ lệ lãi suất khi vay thấp, chỉ từ 1 đến 2%, và lãi suất được trả hàng tháng. Sự khác biệt giữa hai loại hình kinh doanh này là: các hộ kinh doanh đơn giản và có qui mô quá nhỏ gần như được miễn thuế (điều này không được thể hiện trong tài liệu). Có 2/3 số hộ kinh doanh nhỏ vẫn phải nộp thuế. Các doanh nghiệp nhỏ thì trả lời rằng, họ không phải nộp thuế.

Có 7 hộ kinh doanh nhỏ hoạt động dưới dạng đại lý. Hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt, nhưng một số nông dân vẫn được nợ và đến vụ thu hoạch họ mới trả nợ (xem Bảng 10).

Bảng 10. Các hình thức kinh doanh

	Kinh doanh nhỏ (hộ)	Doanh nghiệp nhỏ (hộ)
Bán buôn	4	0
Bán lẻ	10	3
Xây xát	3	0

Qui mô và mức thu nhập trong kinh doanh được đưa ra trong Bảng 11. Có khuynh hướng là: vốn đầu tư càng lớn thì thu nhập càng lớn. Nghiên cứu còn cho thấy, có khoảng cách về thu nhập giữa các hộ kinh doanh của người Kinh và người Thái. Trung bình một hộ người Kinh có mức thu nhập 2,3 triệu đồng/năm, trong

khi con số này ở người Thái là 0,7 triệu/năm.

Bảng 11. Thu nhập của hộ kinh doanh nhỏ theo mức đầu tư

Mức đầu tư (triệu đồng)	Thu nhập (triệu đồng)
<10	0,8
10-49	0,9
50-99	2,0
100-199	2,9
200	3,0

Những hộ kinh doanh nhỏ vốn di cư từ ngoài xã đến đây thường có thu nhập trung bình trên 2 triệu đồng/năm, trong khi những hộ là cư dân địa phương chỉ có thu nhập khoảng 800.000 đồng/năm.

Các hộ kinh doanh nhỏ ở đây thường kinh doanh đơn giản và qui mô rất nhỏ. Điều này còn thể hiện sự đa dạng về kinh tế. Bảng 12 thể hiện các nguồn thu nhập ngoài kinh doanh của các hộ này.

Bảng 12. Nguồn thu khác của hộ kinh doanh nhỏ

Nguồn thu ngoài kinh doanh	Số hộ kinh doanh nhỏ
Không có nguồn thu khác	5
Nguồn thu từ nông nghiệp	6
Nguồn thu từ chăn nuôi	5
Nguồn thu từ làm vườn	1
Nguồn thu từ đánh cá	4
Nguồn thu từ nghề khác	5

7. Ảnh hưởng của doanh nghiệp nhỏ tới đời sống kinh tế-xã hội xã Ít Ong

Nhìn chung các doanh nghiệp nhỏ đã đóng góp vào sự nghiệp hiện đại hoá và mang lại những lợi ích xã hội cho xã Ít Ong. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự phát

triển của các doanh nghiệp tư nhân không chỉ mang lại lợi ích cho phát triển của địa phương mà còn góp phần làm tăng thêm mối quan hệ không bình đẳng với người nghèo. Dường như những người kinh doanh ở đây đã thu được nguồn lợi từ chính tập quán của người dân tộc thiểu số. Ví dụ, người Hmông có thói quen bán ngô bắp to cũng như bắp nhỏ với cùng một giá, vì thế, thương nhân đã chọn mua những bắp to nhất và để lại bắp nhỏ. Việc mua gà của người Hmông cũng diễn ra tương tự. Người buôn bán cũng lợi dụng phong tục tổ chức đám ma và đám cưới lớn của dân tộc thiểu số để cho vay tiền và sau đó họ được mua sản phẩm nông nghiệp với giá rẻ để trừ nợ.

Những thoả thuận không hợp pháp giữa nông dân và thương nhân trong xã vẫn xảy ra. Nông dân nghèo vẫn phải mua chịu vật tư nông nghiệp và vay tiền với lãi suất cao để mua lương thực trong lúc giáp hạt. Trong thời gian thu hoạch, nông dân thường bán các sản phẩm nông nghiệp với giá thấp, chỉ bằng khoảng 1/3 giá trị thực để trả nợ.

Chính quyền địa phương cũng nhận thấy sự không công bằng giữa những người nông dân nghèo và thương nhân địa phương, vì thế họ thường đứng ra bảo lãnh cho người nghèo vay tiền ở ngân hàng để phát triển sản xuất. Nhưng sự giúp đỡ này không giúp cho nông dân nghèo thoát ra khỏi tình trạng đi vay nợ để mua lương thực trong lúc giáp hạt, trừ khi họ ở trong tình trạng đặc biệt và cần được cứu tế xã hội. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm ngăn chặn tình trạng thương nhân cho vay nặng lãi và ép nông dân bán sản phẩm nông nghiệp với giá rẻ, nhưng

những chính sách này dường như không có ảnh hưởng nhiều ở khu vực nghiên cứu.

8. Kết luận

Nền kinh tế của các doanh nghiệp nhỏ ở xã Ít Ong đã hình thành trong thời gian khoảng 15 năm và có khuynh hướng ngày càng phát triển. Chính quyền xã đã tạo nhiều điều kiện cho người kinh doanh ở địa phương. Nhìn chung sự phát triển ấy đã góp phần đẩy mạnh sản xuất hàng hoá ở địa phương và cải thiện mức sống của người nông dân.

Yếu tố tộc người đóng vai trò quan trọng trong nắm bắt cơ hội kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân. Ở Ít Ong, người Kinh và người Thái là hai tộc người nhập bèn, thể hiện qua sự khởi xướng kinh doanh ở vùng này và sự năng động trong kinh doanh của họ.

Có hai vấn đề mà nghiên cứu này không chỉ ra được, nhưng cần phải xem xét thêm. Một là, vấn đề dòng họ không đóng vai trò quan trọng trong việc huy động vốn đối với các doanh nghiệp nhỏ và thay vào đó, mối quan hệ bạn bè lại đóng vai trò quyết định. Hai là, chỉ có 3 chủ doanh nghiệp nhỏ là phụ nữ: điều này phản ánh mô hình kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng có thể mẫu nghiên cứu của chúng tôi quá nhỏ để đưa ra một nhận định chung.

Những vấn đề quan tâm của chúng tôi đối với các nghiên cứu trong tương lai là sẽ tập trung hơn vào tiềm năng của doanh nghiệp nhỏ cũng như các thiết chế và mạng lưới của địa phương, bởi đó là chiếc chìa khoá cho sự phát triển bền vững, đặc biệt là ở khu vực tái định cư. Những vấn đề như sự liên kết trong huy động vốn,

dân tộc với kinh doanh, và một bức tranh mô tả công việc kinh doanh sẽ là những trọng tâm của nghiên cứu. Nghiên cứu cũng sẽ tập trung vào vấn đề văn hoá, xã hội hơn là kinh tế trong kinh doanh.

Trong bối cảnh tiến hành tái định cư cho các cư dân ở đây, sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp nhỏ có thể là một viên đá tảng cho sự phát triển ổn định. Việc tham gia vào thị trường ngày càng tăng thông qua các doanh nghiệp nhỏ là một hoạt động kinh tế quan trọng đối với nền nông nghiệp. Vì thế, có thể tiến tới giai đoạn hai của nghiên cứu là xem xét sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ, trong đó cần nhìn nhận khả năng của doanh nghiệp và các thiết chế địa phương đối với sự phát triển bền vững.

Chú thích

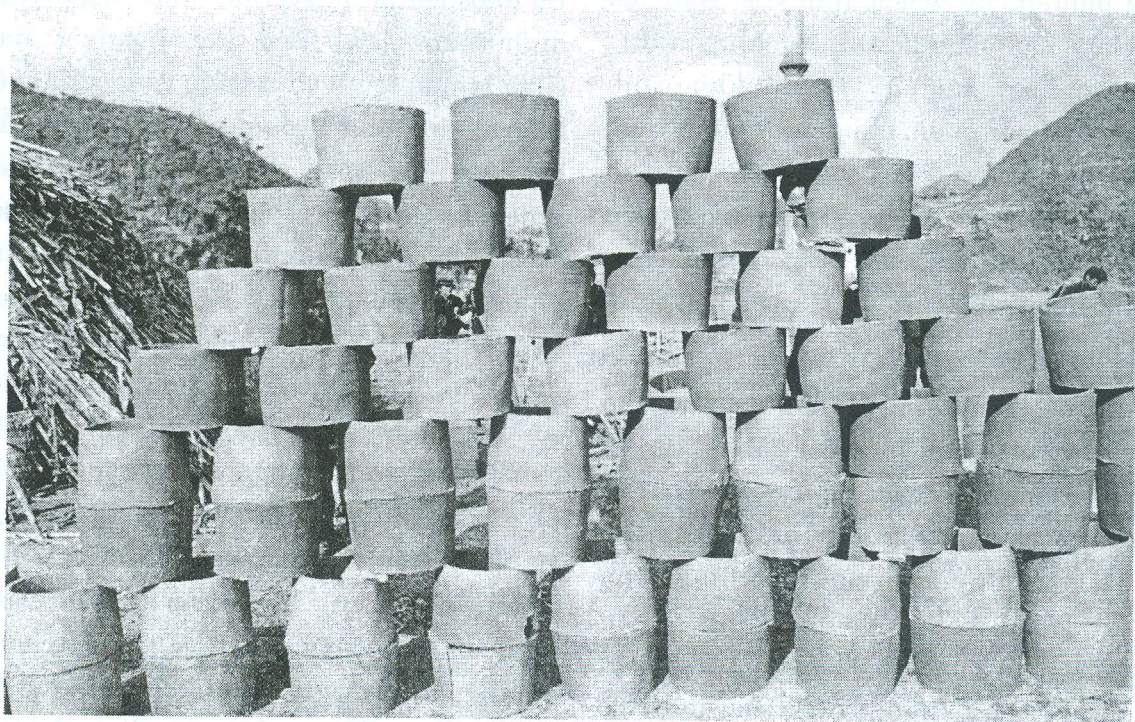
* Viện Tema Nghiên cứu Xã hội và Chính sách Môi trường, Đại học Ljokoping, Thụy Điển.

** Viện Dân tộc học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội, Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo về điều tra quan điểm đối với khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Tháng 6/ 1999 - MPDF tại Hà Nội.
2. CPRGS 2002. Chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội.
3. Dự án quản lý, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Báo cáo giữa kỳ. Dự án VIE/ 98/ 022/ 08/ UNIDO hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam.
4. Kokko, A, 2000. Yêu cầu Đổi mới và thực hiện Đổi mới ở khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam. Những nghiên cứu về sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân năm 2000, SIDA.

5. *Một giải pháp về tài chính đối với các công ty tư nhân có qui mô nhỏ và vừa của Việt Nam.* Báo cáo tháng 9/ 1997- MPDF tại Hà Nội.
6. Nghiên cứu của Granfelt & Hjort- af-Ornas năm 1999.
7. Nghiên cứu sâu một xã của Granfelt & Hjort- af-Ornas năm 2002.
8. Riedel, J và Tran, C.S, 1998. *Sự phát sinh của khu vực kinh tế tư nhân và nền công nghiệp hoá của Việt Nam.* Báo cáo của Dự án: Sự phát sinh của khu vực kinh tế tư nhân và những công ty tư nhân đầy hứa hẹn. Hà Nội.
9. Ronnas và P&B Rammurthy. 2001. *Doanh nghiệp ở Việt Nam: Sự chuyển đổi và năng động.* NIAS và ISEAS tài trợ.
10. Ronnas. *Sự chuyển đổi của khu vực sản xuất tư nhân ở Việt Nam (1990- 1999).* Viện nghiên cứu về Nhật Bản của Châu Âu, Khoa Kinh tế trường Đại học Stockholm.
11. Ronnas. 1992. *Tạo công ăn việc làm thông qua các doanh nghiệp nhỏ ở Việt Nam.* Báo cáo, do ILO và SIDA tài trợ.
12. Ronnas, P và Sjoberg,O. 1989. *Đổi mới: cải cách kinh tế và các chính sách phát triển ở Việt Nam.* Báo cáo trình bày tại hội nghị quốc tế được tổ chức tại Hà Nội từ 12-15 tháng 9/ 1989, do SIDA và SSE/ CIEM tài trợ.
13. *Phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam: Chiến lược tạo công ăn việc làm và phát triển cân bằng vùng.* Báo cáo của UNIDO do Dự án UNDP tài trợ.
14. *Số liệu về các khu vực có dân số cư trú rải rác ở Việt Nam.* 1996. Nhà xuất bản thống kê. Hà Nội.
15. *Sự năng động của khu vực sản xuất tư nhân qui mô nhỏ ở Việt Nam.* Báo cáo tài chính và kinh tế số 236 của khoa Kinh tế trường Đại học Stockholm.
16. *Tạo ra một thị trường về đào tạo quản lý cho các công ty tư nhân của Việt Nam.* Tạp chí Phát triển các doanh nghiệp nhỏ, Tập 12, số 2.
17. *Tổng quan khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam.* Báo cáo, tháng 4/ 1999 tại Hà Nội, MPDF.
18. *Việt Nam 2010: Bước vào thế kỷ 21.* Báo cáo phát triển về Việt Nam, Chương 2. Ngân hàng thế giới.



Ngói âm dương của người Hmông (huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang)

Ảnh: Khổng Diễn